



Hà Nội, ngày 14 tháng 01 năm 2019

GIẤY TIẾP NHẬN ĐĂNG KÝ BẢN CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 644/2019/ĐKSP

Cục an toàn thực phẩm xác nhận đã nhận Bản công bố sản phẩm của:

Tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ Y TẾ MINH DUY

Địa chỉ: Số 281 Đội Cấn, phường Liễu Giai, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989387142

Fax:

Email: huongcamdkh@gmail.com

Cho sản phẩm: Thực phẩm bảo vệ sức khỏe BoniGut+; do:

J&E International Corp.

Địa chỉ: 1365 Stonegate Way Ferndale, WA, 98248-7824, Mỹ

Nước xuất xứ: Hoa Kỳ sản xuất, phù hợp:

Tiêu chuẩn nhà sản xuất số 182018 ngày 1 tháng 9 năm 2018

Doanh nghiệp phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính phù hợp của sản phẩm đã công bố./.

Nơi nhận:

- Tổ chức, cá nhân;
- Lưu trữ.

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Đỗ Hữu Tuấn



PHIẾU PHÂN TÍCH

(Kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu đem thử)

Số: 25-902G

Mẫu phân tích : **Thực phẩm bảo vệ sức khỏe BONIGUT⁺**
Số đăng kí : 664/2019/ĐKSP
Nơi sản xuất : J&E International Corp, USA
Số kiểm soát : 52409003 Ngày sản xuất: _____ Hạn dùng: 09/2027
Nơi nhập khẩu : Công ty TNHH Thiết bị y tế Minh Duy
Nơi gửi mẫu : Công ty TNHH Thiết bị y tế Minh Duy
Yêu cầu phân tích : Tính chất, Vi sinh, Kim loại nặng
Ngày nhận mẫu : 26/04/2025 Số đăng kí KN: 25-902G
Người nhận mẫu : Đinh Thị Minh Hồng

Tình trạng mẫu khi nhận và khi mở để phân tích: Chế phẩm dạng viên nang, đóng trong lọ kín. Nhãn in rõ ràng

1. Các chỉ tiêu cảm quan:				
STT	Tên chỉ tiêu	Kết quả		
1.1	Trạng thái	Dạng viên nang cứng		
1.2	Màu sắc	Vỏ nang màu trắng, bột trong nang màu nâu		
1.3	Mùi vị	Mùi thơm		
2. Các chỉ tiêu vi sinh:				
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả
2.1	Tổng số vi khuẩn hiếu khí	CFU/g	TVCN 4884-1:2015	< 10
2.2	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	TVCN 8275-2:2010	< 10
2.3	<i>Escherichia coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	Không phát hiện
2.4	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	TCVN 4830-1:2005	Không phát hiện
2.5	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848-2007	Không phát hiện
2.6	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	TCVN 4992:2005	Không phát hiện
2.7	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	Không phát hiện
2.8	Salmonella	CFU/25g	TCVN 10780-1:2017	Không phát hiện (eLOD ₅₀ = 3,5 CFU/25g)

3. Các chỉ tiêu kim loại nặng:				
STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Phương pháp thử	Kết quả
3.1	Chì	ppm	TQKT/AAS/001	0,08
3.2*	Thủy ngân	ppm	TQKT/AAS/002	0,09
3.3	Cadimi	ppm	TQKT/AAS/007	0,03

Hà Nội, ngày 05 tháng 05 năm 2025



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Hồng Hà

PHIẾU PHÂN TÍCH – SỐ 25-902G



* Chỉ tiêu không trong danh mục phép thử được công nhận ISO/IEC:17025

** Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ thử nghiệm

Các bản trích sao kết quả này sẽ không có giá trị nếu không có sự đồng ý của lãnh đạo TTKNTMPTP Hà Nội